

Số: /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế Quản lý, khai thác và vận hành
Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh tỉnh Hà Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

*Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của
Chính phủ quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan
nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính
phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ
về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn
2019-2020, định hướng đến năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản lý, khai thác và vận hành Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VPUB: LĐVP, KGVX;
- Lưu: VT, KGVX_(D).

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Vượng

QUY CHẾ
Quản lý, khai thác và vận hành
Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh tỉnh Hà Nam
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định việc quản lý, khai thác và vận hành Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh tỉnh (sau đây gọi tắt là IOC tỉnh).

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh (gọi tắt là các cơ quan, đơn vị), các tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia quản lý, khai thác và vận hành IOC tỉnh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. IOC tỉnh: Là nơi cho phép tổng hợp tất cả các nguồn thông tin, dữ liệu của tỉnh trên tất cả các lĩnh vực, cung cấp cái nhìn tổng thể theo thời gian thực đối với các tài sản, dịch vụ thông minh, qua đó giúp lãnh đạo các cấp của tỉnh có khả năng giám sát, điều hành, hỗ trợ chỉ huy và quản lý chất lượng dịch vụ do tỉnh cung cấp một cách tổng thể, có khả năng phân tích dữ liệu lớn và hỗ trợ ra quyết định; mang đến hiệu quả, cơ hội phát triển các ngành, lĩnh vực và kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Dữ liệu số: Là dữ liệu dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được biểu diễn bằng tín hiệu số. Dữ liệu số mang thông tin số và được chia sẻ dưới dạng thông điệp dữ liệu. Trong Quy chế này, dữ liệu được hiểu là dữ liệu số.

3. Cấu trúc dữ liệu trao đổi: Là cấu trúc của thông điệp dữ liệu được trao đổi giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

4. Dịch vụ chia sẻ dữ liệu: Là các dịch vụ cung cấp, chia sẻ dữ liệu cho cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khai thác hoặc thu nhận dữ liệu từ các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân qua các hệ thống thông tin. Trong hệ thống thông tin, dịch vụ chia sẻ dữ liệu là giao diện tương tác của phần mềm phục vụ tiếp nhận kết nối và trao đổi các thông điệp dữ liệu với các hệ thống bên ngoài.

5. Chia sẻ dữ liệu mặc định: Là hình thức chia sẻ các dữ liệu thường xuyên trong cơ quan nhà nước theo quy trình đơn giản, trong đó cơ quan nhà nước chuẩn bị sẵn các dịch vụ chia sẻ dữ liệu và cung cấp dữ liệu đã được chuẩn hóa cấu trúc dữ liệu trao đổi thông qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu cho nhiều cơ quan nhà nước sử dụng.

6. Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù: Là hình thức chia sẻ dữ liệu cho cơ quan nhà nước khác sử dụng theo yêu cầu riêng đối với dữ liệu không được sử dụng thông dụng bởi nhiều cơ quan nhà nước khác nhau; việc chia sẻ dữ liệu theo hình thức này cần thực hiện các hoạt động phối hợp của các bên về mặt kỹ thuật để chuẩn bị về mặt hạ tầng, kỹ thuật, công nghệ để xử lý hoặc tạo ra dữ liệu phục vụ chia sẻ dữ liệu.

7. Cơ quan chịu trách nhiệm quản lý, vận hành IOC tỉnh: Sở Thông tin và Truyền thông.

8. IOC tỉnh đặt tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, khai thác và vận hành IOC tỉnh

1. Tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan. Đảm bảo tính công khai, minh bạch, khách quan, trung thực và chính xác. Bảo đảm an toàn thông tin trong việc gửi, nhận, lưu trữ và phân phối dữ liệu.

2. Đảm bảo mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động của IOC tỉnh; nâng cao chất lượng phục vụ chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

3. Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; phối hợp chặt chẽ, đảm bảo không trùng lặp, chồng chéo nhiệm vụ trong quản lý và thực thi công vụ giữa các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ của IOC tỉnh phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và chịu trách nhiệm đối với mọi hoạt động trên tài khoản truy cập của mình.

5. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về cung cấp thông tin, dữ liệu theo quy định; đồng thời có trách nhiệm trả lời, giải quyết các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của cơ quan, đơn vị về thông tin, dữ liệu cung cấp.

6. Cơ quan vận hành IOC tỉnh sử dụng, quản lý tài sản theo đúng luật quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành luật.

7. Đảm bảo kinh phí ngân sách nhà nước thường xuyên hàng năm cho công tác quản lý, vận hành và bảo trì, bảo dưỡng IOC tỉnh phục vụ nhiệm vụ theo quy định.

Chương II

QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ VẬN HÀNH TRUNG TÂM GIÁM SÁT, ĐIỀU HÀNH THÔNG MINH TỈNH HÀ NAM

Điều 4. Quản trị hệ thống mạng, bảo mật mạng

1. Hệ thống mạng phải bảo đảm:

a) Hoạt động liên tục 24/24h, ổn định, an toàn và đáp ứng được yêu cầu về băng thông cho các ứng dụng trong hệ thống.

b) Áp dụng các giải pháp kiểm soát việc truy cập mạng để đảm bảo các quy định về an ninh, các chính sách bảo mật.

c) Đối với các kết nối Internet phải có các giải pháp, chính sách bảo mật đảm bảo hệ thống không bị tấn công xâm nhập, lây lan virus, phần mềm độc hại từ bên ngoài; cũng như từ các thiết bị ngoại vi khác.

2. Cơ quan vận hành chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra nội dung và băng thông truy cập, ngăn chặn, đề xuất các biện pháp xử lý các hành vi vi phạm.

Điều 5. Quản trị thiết bị

1. Thiết bị công nghệ thông tin đặt tại IOC tỉnh phải được đặt tên và dán nhãn.
2. Trường hợp thiết bị hỏng, cán bộ vận hành phải báo cáo ngay với lãnh đạo cơ quan quản lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.
3. Ghi nhật ký, quy định thời gian lưu trữ các thông tin về hoạt động của các thiết bị, người sử dụng, lỗi phát sinh và các sự cố nhằm trợ giúp cho việc điều tra, giám sát về sau.

Điều 6. Quản trị sao lưu, phục hồi dữ liệu

1. Thực hiện lưu trữ đầy đủ các dữ liệu của người dùng, ứng dụng và hệ thống. Tùy theo từng loại dữ liệu, thực hiện lưu trữ đúng và đủ thời hạn, đảm bảo phục hồi nguyên trạng khi có sự cố xảy ra.
2. Cơ quan vận hành có trách nhiệm thực hiện quy trình sao lưu, phục hồi dữ liệu dự phòng cho toàn IOC tỉnh.

Điều 7. Quản trị bảo mật hệ thống

1. Duy trì, cập nhật, theo dõi thường xuyên đối với hệ thống bảo mật để bảo đảm an toàn, bảo mật cho IOC tỉnh.
2. Tất cả các máy chủ, máy trạm tại IOC tỉnh phải được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc tập trung và luôn được cập nhật kịp thời các bản sửa lỗi, cơ sở dữ liệu các mẫu virus mới.

Điều 8. Quản trị các hệ thống phần mềm

1. Danh sách phần mềm được lập với các thông tin cơ bản gồm: tên phần mềm, mục đích sử dụng, phạm vi sử dụng, chủ thể quản lý, thông tin về bản quyền, phiên bản, nơi lưu giữ.
2. Thường xuyên cập nhật các bản vá lỗi đối với hệ điều hành, các phần mềm nền tảng, hệ thống mã nguồn theo khuyến nghị của nhà sản xuất.
3. Không phát tán, chia sẻ các hệ thống phần mềm tại IOC tỉnh dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 9. Xử lý sự cố

1. Khi phát hiện có sự cố, người sử dụng, cán bộ vận hành, cán bộ trực hệ thống có trách nhiệm báo cáo kịp thời cho lãnh đạo cơ quan quản lý, vận hành để có biện pháp kịp thời.
2. Quy định khắc phục sự cố:
 - a) Thực hiện sao lưu dữ liệu trước khi khắc phục sự cố.
 - b) Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị hệ thống.
 - c) Ghi nhật ký diễn biến sự cố, phương án khắc phục.

Điều 10. Bảo trì, bảo dưỡng IOC tỉnh

1. Cơ quan vận hành có trách nhiệm thực hiện bảo trì, bảo dưỡng hệ thống theo quy trình.

2. Việc thực hiện bảo trì, bảo dưỡng không được làm gián đoạn và ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của IOC tỉnh.

Điều 11. Bảo vệ thông tin cá nhân trong các ứng dụng tại IOC tỉnh trên môi trường mạng

Nghiêm cấm việc sử dụng, phát tán các thông tin cá nhân từ các ứng dụng đặt tại IOC tỉnh vì mục đích vụ lợi, vi phạm quy định pháp luật hiện hành; trừ các yêu cầu đặc biệt của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Điều 12. Quản lý mật khẩu hệ thống IOC tỉnh

1. Cơ quan vận hành IOC tỉnh có trách nhiệm quản lý hệ thống mật khẩu quản trị của IOC tỉnh.

2. Đối với mật khẩu của nhân viên vận hành, của người quản trị hệ thống định kỳ phải được thay đổi ít nhất 03 tháng một lần.

Chương III
TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Chịu trách nhiệm cập nhật và chia sẻ dữ liệu chuyên ngành chính xác, kịp thời, đúng định dạng theo tiêu chuẩn. Định kỳ cung cấp thông tin theo danh mục tại phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này. Thời gian cập nhật số liệu ngay sau khi có sự thay đổi đối với dữ liệu mặc định hoặc ngay khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về dữ liệu cần khai thác.

2. Chịu trách nhiệm đảm bảo các hệ thống phần mềm, dữ liệu tích hợp chia sẻ được với hệ thống phần mềm của IOC tỉnh theo cấu trúc dữ liệu trao đổi.

3. Cung cấp đầu mối tiếp nhận xử lý thông tin về Sở Thông tin và Truyền thông. Khi tiếp nhận thông tin từ IOC tỉnh, trong phạm vi xử lý của cơ quan, đơn vị mình, nhanh chóng tiến hành xử lý thông tin và thông báo tình trạng xử lý về IOC tỉnh. Tổng hợp báo cáo kết quả xử lý về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông).

4. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ tại IOC tỉnh.

5. Tăng cường đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chịu trách nhiệm tổ chức quản trị, vận hành IOC tỉnh. Đảm bảo kỹ thuật, an toàn thông tin hệ thống đường truyền, dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

2. Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh nâng cấp và mở rộng IOC tỉnh đáp ứng nhu cầu cho các ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số, đô thị thông minh tỉnh Hà Nam.

3. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị kết nối, sử dụng cơ sở hạ tầng cung cấp thông tin và các dịch vụ được triển khai thông qua IOC tỉnh.

4. Đào tạo cán bộ quản lý, vận hành có chuyên môn đáp ứng yêu cầu, được trang bị các kiến thức liên quan tới hoạt động của IOC tỉnh.

5. Hàng năm, xây dựng dự toán nguồn kinh phí để triển khai quản lý, vận hành IOC tỉnh.

6. Định kỳ hằng quý, đột xuất tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình hoạt động của IOC tỉnh.

Điều 15. Trách nhiệm của cán bộ, công chức trong các cơ quan, đơn vị tham gia vận hành và xử lý thông tin

1. Sử dụng hạ tầng, dịch vụ của IOC tỉnh theo Quy chế này và các hướng dẫn khác của Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Tuân thủ các quy định về an toàn bảo mật thông tin, quản lý, khai thác và vận hành IOC tỉnh. Không được thực hiện các hành vi đánh cắp, giả mạo tài khoản, truy cập trái phép, sử dụng các công cụ, phần mềm làm tổn hại đến hoạt động của IOC tỉnh.

3. Khi tiếp nhận thông tin phải xác minh tính xác thực của thông tin.

4. Trường hợp phát sinh sự cố, phải thông báo ngay Sở Thông tin và Truyền thông để phối hợp trong việc xử lý sự cố và xác nhận kết quả xử lý.

**Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Sở Thông tin và Truyền thông: Chịu trách nhiệm về việc quản lý, vận hành IOC tỉnh đảm bảo ổn định, liên tục, an toàn bảo mật thông tin theo đúng quy định; chủ trì tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy chế này; theo dõi, kiểm tra định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình triển khai của các cơ quan, đơn vị.

2. Sở Tài chính: Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để duy trì hoạt động và vận hành của IOC tỉnh theo đúng quy các quy định hiện hành.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Chịu trách nhiệm về việc tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này trong phạm vi quản lý của mình.

Điều 17. Điều khoản thi hành

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động và phối hợp chặt chẽ với nhau để thực hiện Quy chế.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo, phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

DANH MỤC

Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, chỉ tiêu kết nối về IOC tỉnh

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. CÁC CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Cơ quan chủ trì cung cấp số liệu	Kỳ báo cáo	Ghi chú
A	CHỈ TIÊU TỔNG HỢP (*)				
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá hiện hành	Tỷ đồng	Cục Thống kê tỉnh	6 tháng, hàng năm	
	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	"	"	
	Công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	"	"	
	<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	Tỷ đồng	"	"	
	Dịch vụ	Tỷ đồng	"	"	
	* Cơ cấu kinh tế:	%	"	"	
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	"	"	
	- Công nghiệp - xây dựng	%	"	"	
	- Dịch vụ	%	"	"	
2	GDP bình quân đầu người (giá hiện hành)	Ngh.đồng	Cục Thống kê tỉnh	6 tháng, hàng năm	
3	Tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá SS 2010	Tỷ đồng	Cục Thống kê tỉnh	6 tháng, hàng năm	
	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	"	"	
	Công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	"	"	
	<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	Tỷ đồng	"	"	
	Dịch vụ	Tỷ đồng	"	"	

4	Tốc độ tăng trưởng GRDP (giá SS 2010)	%	Cục Thống kê tỉnh	6 tháng, hàng năm	
	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	"	"	
	Công nghiệp - xây dựng	%	"	"	
	<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	%	"	"	
	Dịch vụ	%	"	"	
5	Cơ cấu lao động	%	Cục Thống kê tỉnh	hàng năm	
	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	"	"	
	Công nghiệp - xây dựng	%	"	"	
	Dịch vụ	%	"	"	
B	CHỈ TIÊU CÁC LĨNH VỰC				
*	KHU VỰC NÔNG NGHIỆP		Sở NN&PTNT	hàng quý	
6	Sản lượng lương thực có hạt	Ng.tấn	"	"	Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm thống nhất với Cục Thống kê tỉnh với các chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh thuộc trách nhiệm điều tra, công bố của Cục Thống kê tỉnh.
*	<u>Diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây: Lúa, cây rau, cây chuối, bưởi Diên.</u>				
7	Cây lúa: + Diện tích	Ng. ha	"	"	
	+ Năng suất	Tạ/ha	"	"	
	+ Sản lượng	Ng.tấn	"	"	
8	Bưởi Diên: + Diện tích	Ng. ha	"	"	
	+ Năng suất	Tạ/ha	"	"	
	+ Sản lượng	Ng.tấn	"	"	

9	Cây rau: + Diện tích	Ng. ha	"	"	
	+ Năng suất	Tạ/ha	"	"	
	+ Sản lượng	Ng.tấn	"	"	
10	Cây chuối + Diện tích	Ng.ha	"	"	
	+ Năng suất	Tạ/ha	"	"	
	+ Sản lượng	Ng.tấn	"	"	
11	Sản lượng thịt hơi gia súc, gia cầm	Ng.tấn	"	"	
*	<u>Tổng đàn và sản lượng thịt hơi các loại vật nuôi: Trâu, bò, lợn, gia cầm, gà</u>				
12	Trâu: + Tổng đàn	Ng.con	"	"	
	+ Sản lượng	Tấn	"	"	
13	Bò: + Tổng đàn	Ng.con	"	"	
	+ Sản lượng	Tấn	"	"	
14	Lợn: + Tổng đàn	Ng.con	"	"	
	+ Sản lượng	Tấn	"	"	
15	Gia cầm: + Tổng đàn	Ng.con	"	"	
	+ Sản lượng	Tấn	"	"	
	Trong đó: Gà: + Tổng đàn	Ng.con	"	"	
	+ Sản lượng	Tấn	"	"	
16	Sản xuất thủy sản: + Diện tích	Ng.ha	"	"	
	+ Thể tích lồng nuôi	m ³	"	"	
	+ Sản lượng	Ng.tấn	"	"	
17	Tỷ lệ che phủ rừng	%	"	"	
18	Trồng rừng tập trung	Ng.ha	"	"	
19	Khai thác rừng: + Diện tích	Ng.ha	"	"	
	+ Khối lượng gỗ khai thác	Ng.m ³	"	"	

*	XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI		Sở NN&PTNT	hàng quý	
20	Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM	Huyện	"	"	
21	Tổng số xã đạt chuẩn NTM	Xã	"	"	
22	Số xã đạt chuẩn NTM tăng thêm	Xã	"	"	
23	Số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu	Xã	"	"	
*	KHU VỰC CÔNG NGHIỆP		Cục Thống kê tỉnh	hàng tháng	
24	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ	%			
	Công nghiệp khai khoáng	%	"	"	
	Công nghiệp chế biến, chế tạo	%	"	"	
	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	%	"	"	
	Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	%	"	"	
25	Sản phẩm công nghiệp chủ yếu				
	Đá khai thác	Ngh.m ³	"	"	
	Bia các loại	Ngh.lít	"	"	
	Vải các loại	Ngh.mét	"	"	
	Xi măng & Clinker	Ngh.tấn	"	"	
	Quần áo may sẵn	Ngh.cái	"	"	
	Sữa các loại	Tr.lít	"	"	
	Nước giải khát	Tr.lít	"	"	
	Thức ăn chăn nuôi	Tấn	"	"	
	Thiết bị điện, điện tử	Ngh.sp	"	"	
	Bộ dây điện ô tô	Ngh.bộ	"	"	
	Xe máy	Ngh.cái	"	"	

*	THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ		Cục Thống kê tỉnh	hàng tháng	
26	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu DV	Tỷ đồng			
27	Xuất nhập khẩu		Chi cục Hải quan	hàng tháng	
	Giá trị xuất khẩu trên địa bàn	Tr.USD	"	"	
	<i>Tốc độ tăng xuất khẩu</i>	%	"	"	
	Giá trị hàng nhập khẩu	Tr.USD	"	"	
	<i>Tốc độ tăng nhập khẩu</i>	%	"	"	
*	DU LỊCH		Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	hàng tháng	
28	Tổng doanh thu du lịch	Tỷ đồng	"	"	
29	Tổng lượt khách du lịch lưu trú	Ng. lượt	"	"	
	<i>Trong đó: Khách quốc tế</i>	<i>Ng. lượt</i>	"	"	
30	Tổng số ngày khách	Ng. ngày	"	"	
	<i>Trong đó: + Khách quốc tế</i>	<i>Ng. ngày</i>	"	"	
	<i>+ Khách nội địa</i>	<i>Ng. ngày</i>	"	"	
31	Tổng số cơ sở lưu trú	Cơ sở	"	"	
	<i>Trong đó: Khách sạn</i>	Cơ sở	"	"	
32	Tổng số phòng	Phòng	"	"	
33	Công suất sử dụng buồng	%	"	"	
*	GIAO THÔNG VẬN TẢI		Cục Thống kê tỉnh	hàng tháng	
34	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải	Tỷ đồng			
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>+ Doanh thu vận tải hành khách</i>	Tỷ đồng	"	"	
	<i>+ Doanh thu vận tải hàng hoá</i>	Tỷ đồng	"	"	
	Khối lượng vận tải hành khách	Ngh.HK	"	"	

	Khối lượng luân chuyển hành khách	Ngh. lượt HK.km	"	"	
	Khối lượng vận tải hàng hoá	Ngh.tấn	"	"	
	Khối lượng luân chuyển hàng hoá	Ngh.tấn.km		"	
*	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN		Sở Kế hoạch và Đầu tư	hàng tháng	
35	Đầu tư trong nước	Tỷ đồng	"	"	
36	Đầu tư nước ngoài	Tr.USD	"	"	
37	Đăng ký doanh nghiệp	Tỷ đồng	"	"	
*	THU, CHI NGÂN SÁCH		Sở Tài chính	hàng tháng	
38	Tổng thu cân đối NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	"	"	
39	Thu nội địa	Tỷ đồng	"	"	
	Thu từ thuế, phí, lệ phí	Tỷ đồng	"	"	
	Thu tiền sử dụng đất	Tỷ đồng	"	"	
	Thu thường xuyên tại xã	Tỷ đồng	"	"	
	Thu xổ số kiến thiết	Tỷ đồng	"	"	
40	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	Tỷ đồng	"	"	
41	Tổng chi cân đối ngân sách	Tỷ đồng	"	"	
	Trong đó:				
	Chi đầu tư phát triển	Tỷ đồng	"	"	
	Chi thường xuyên	Tỷ đồng	"	"	
*	HẠ TẦNG - ĐÔ THỊ - MÔI TRƯỜNG				
42	Tỷ lệ đô thị hoá	%	Cục Thống kê tỉnh	hàng năm	
43	Tỷ lệ đường giao thông nông thôn được kiên cố hóa	%	Sở Giao thông vận tải	hàng quý	

44	Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh	%	Sở Xây dựng	hàng năm	
45	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh	%	Sở NN&PTNT	hàng năm	
46	Tỷ lệ rác thải sinh hoạt ở đô thị và các khu dân cư tập trung ở nông thôn được thu gom và xử lý	%	Sở Tài nguyên và Môi trường	hàng tháng	
47	Số khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	KCN	"	"	
	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	"	"	
48	Số cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	CCN	"	"	
	Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	"	"	
49	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	"	"	
*	VĂN HOÁ - XÃ HỘI				
50	Dân số trung bình	Ng.người	Cục Thống kê tỉnh	hàng năm	
51	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	"	"	
52	Số trường học đạt chuẩn quốc gia	Trường	Sở Giáo dục và Đào tạo	hàng tháng	
	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	"	"	
	Tỷ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	%	"	"	
	Tỷ lệ trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	%	"	"	
	Tỷ lệ trường THCS đạt chuẩn quốc gia	%	"	"	
	Tỷ lệ trường THPT đạt chuẩn quốc gia	%	"	"	
53	Số lao động tạo việc làm mới	Ng.người	Sở Lao động - TB&XH	hàng năm	
54	Xuất khẩu lao động	Ng.người	"	"	

55	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	"	6 tháng	
	Trong đó: Có chứng chỉ, bằng cấp	%	"	"	
56	Tỷ lệ hộ nghèo	%	Theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020	hàng năm	
	Tỷ lệ hộ nghèo giảm (Từ năm 2015: chuẩn nghèo đa chiều)	%	"	"	
	Tỷ lệ hộ cận nghèo (chuẩn nghèo đa chiều)	%	Theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020	"	
57	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD (cân nặng theo tuổi)	%	Sở Y tế	hàng năm	
58	Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng	%	"	"	
59	Tỷ lệ tử vong của trẻ dưới 1 tuổi	‰	"	"	
60	Tỷ lệ tử vong của trẻ dưới 5 tuổi	‰	"	"	
61	Tỷ lệ chết mẹ/ 100.000 trẻ đẻ sống		"	"	
62	Tổng tỷ suất sinh		"	"	
63	Tỷ số giới tính khi sinh (nam/100 nữ)		"	"	
64	Tỷ suất chết thô	‰	"	"	
65	Tỷ suất sinh	‰	"	"	
66	Số trẻ em sinh ra trong năm	trẻ	"	"	
67	Tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại	%	"	"	
68	Số giường bệnh/vạn dân	Giường	"	"	
	- Tổng số giường bệnh (không bao gồm trạm y tế)		"	"	
	+ Số giường bệnh công lập		"	"	
	+ Số giường bệnh xã hội hóa		"	"	
69	Số bác sĩ trên toàn tỉnh	Bác sĩ	"	"	
70	Số người tham gia BHYT	Người	Bảo hiểm xã hội tỉnh	hàng tháng	
71	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT	%	"	"	

72	Số người tham gia BHXH bắt buộc	Người	"	hàng năm	
73	Số người tham gia BHXH tự nguyện	Người	"	"	
74	Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động tham gia BHXH	%	"		
75	Số người tham gia BHTN	Người	"	"	
*	DOANH NGHIỆP VÀ ĐẦU TƯ TƯ NHÂN				
76	Chỉ số PCI		Sở Kế hoạch và Đầu tư	hàng năm	
77	Số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập tăng thêm	Doanh nghiệp	"	"	
	<i>Tổng vốn đăng ký tăng thêm</i>	<i>Tỷ đồng</i>	"	"	
78	Số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập lũy kế	Doanh nghiệp	"	"	
79	Số DN đăng ký giải thể, tạm ngừng kinh doanh có thời hạn	Doanh nghiệp	"	"	
80	Số DN hoàn tất thủ tục giải thể	Doanh nghiệp	"	"	
81	Số DN đăng ký hoạt động trở lại	Doanh nghiệp	"	"	
82	Số doanh nghiệp thu hồi	Doanh nghiệp	"	"	
83	Số lượng doanh nghiệp hoạt động (có đăng ký nộp thuế)		Cục Thuế tỉnh	hàng tháng	
84	Số lượng dự án được cấp Quyết định chủ trương/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong năm (không bao gồm điều chỉnh dự án)	Dự án	Sở Kế hoạch và Đầu tư	hàng tháng	
	Trong nước	Dự án	"	"	
	Nước ngoài	Dự án	"	"	
85	Tổng vốn đăng ký của các dự án		"	"	

	Trong nước	Tỷ đồng	"	"	
	Nước ngoài	Tr.USD	"	"	
	<i>Tổng cộng</i>	Tỷ đồng	"	"	
*	AN TOÀN GIAO THÔNG				
86	Đường bộ		Ban An toàn giao thông tỉnh	hàng tháng	
	- Số vụ va chạm và tai nạn giao thông	Vụ	"	"	
	- Số người chết	Người	"	"	
	- Số người bị thương	Người	"	"	
87	Đường sắt		"	"	
	- Số vụ va chạm và tai nạn giao thông	Vụ	"	"	
	- Số người chết	Người	"	"	
	- Số người bị thương	Người	"	"	
88	Đường sông		"	"	
	- Số vụ va chạm và tai nạn giao thông	Vụ	"	"	
	- Số người chết	Người	"	"	
	- Số người bị thương	Người	"	"	
*	GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG		Kho bạc nhà nước tỉnh		
89	Giá trị giải ngân vốn đầu tư công	Tỷ đồng	"	Giải ngân chốt đến ngày 15 và ngày cuối hàng tháng	Theo dự án hoặc theo Chủ đầu tư
	Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công/Kế hoạch vốn	%	"		

II. CÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU

1. Thông tin dữ liệu Giám sát hành chính công

- Cơ quan chủ trì cung cấp thông tin: Sở Thông tin và Truyền thông.
- Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu: Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử.

2. Thông tin dữ liệu Giám sát văn bản điện tử

- Cơ quan chủ trì cung cấp thông tin: Văn phòng UBND tỉnh.
- Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu: Phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành.

3. Thông tin dữ liệu Giám sát tài nguyên và môi trường

- Cơ quan chủ trì cung cấp thông tin: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu: Các trạm quan trắc.

4. Thông tin dữ liệu Giám sát và điều hành giáo dục

- Cơ quan chủ trì cung cấp thông tin: Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu: Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

5. Thông tin dữ liệu Giám sát và điều hành y tế

- Cơ quan chủ trì cung cấp thông tin: Sở Y tế.
- Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu: Phần mềm Quản lý khám, chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế.

6. Thông tin dữ liệu Giám sát giao thông thông minh từ IOC thành phố Phủ Lý

- Cơ quan chủ trì cung cấp thông tin: UBND thành phố Phủ Lý.
- Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu: IOC thành phố Phủ Lý.

7. Thông tin dữ liệu Giám sát và điều hành về tư pháp

- Cơ quan chủ trì cung cấp thông tin: Sở Tư pháp.
- Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu: Phần mềm Quản lý công chứng.

8. Thông tin dữ liệu Giám sát và điều hành về khoa học và công nghệ

- Cơ quan chủ trì cung cấp thông tin: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu: Phần mềm Quản lý kết quả các dự án, đề tài khoa học.

9. Thông tin dữ liệu Giám sát và điều hành về thanh tra

- Cơ quan chủ trì cung cấp thông tin: Thanh tra tỉnh.
- Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu: Phần mềm Quản lý hoạt động thanh tra, kiểm tra.